

Bản án số: 53/2024/HS-ST

Ngày: 19-6- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Huyền, bà Lý Thị Tuyền.

-Thư ký phiên toà: Ông Giàng A Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà:
Ông Vũ Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2024/TLST-HS, ngày 08 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST - HS ngày 5 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn S**; sinh ngày 26/5/1971, tại huyện T, tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: huyện T, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 012071XXXXXX; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); Gia đình bị cáo có 06 anh, chị, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; bị cáo có 01 con, sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 27/5/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đường xử phạt 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (đã chấp hành xong và được xóa án tích).

Ngày 09/4/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đường xử phạt 7 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (đã chấp hành xong và được xóa án tích);

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Lai Châu; bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đèo Văn T**; sinh ngày 13/7/1973, tại huyện P, tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: làm ruộng;

trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 012073xxxxxx; con ông Đèo Ngọc Đ, sinh năm 1950 và bà Đèo Thị S, sinh năm 1953; Gia đình bị cáo có 06 anh, chị, em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; bị cáo có vợ là Lường Thị H, sinh năm 1983; bị cáo có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Lai Châu; bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lường Thị X, sinh năm 1987; địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12 năm 2023, Nguyễn Văn S đến cửa khẩu M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu để chuẩn bị nhập cảnh sang Trung Quốc làm ăn thì gặp Đèo Văn T (T chạy xe ôm). Qua nói chuyện S và T cho nhau số điện thoại di động để thuận lợi cho việc liên lạc sau này. Chiều ngày 15/01/2024, tại chợ M, huyện K, châu H, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, Nguyễn Văn S gặp Lường Thị X, sinh ngày 03//3/1987, trú tại bản Dẹ, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (X đang sinh sống, làm việc tại Trung Quốc), X trình bày nhờ S đưa về Việt Nam vì không có giấy tờ. S và X thống nhất X trả 200 nhân dân tệ để S đưa X nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. S và X hẹn nhau S ngày 16/01/2024 X có mặt tại chợ Mường Là- Trung Quốc để S đưa về Việt Nam.

Khoảng 09 giờ, ngày 16/01/2024, X đến gặp S. Khi thấy X đến, S gọi điện thoại cho Đèo Văn T trao đổi về việc đưa Lường Thị X nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và thống nhất 12 giờ trưa cùng ngày lên chợ Cửa Cải- Trung Quốc để đón X và đưa về cửa khẩu M với tiền công là 100 nhân dân tệ. Sau khi nói chuyện với T xong, S nhận 200 nhân dân tệ tiền công từ X và dùng xe máy (không rõ biển kiểm soát, mượn của người Trung Quốc) chở X đến khu vực chợ Cửa Cải- Trung Quốc và đưa cho X số sim điện thoại 0338.xxx.xxx để khi về Việt Nam dùng liên lạc. Nguyễn Văn S hướng dẫn X chui qua hàng rào biên giới từ Trung Quốc sang Việt Nam. Sau đó, S gọi điện thoại (số 9346.xxx.xxx) cho Đèo Văn T (số của T 0865.611.681) đến điểm hẹn đón X. Liên hệ với T xong, S quay về chợ Nà Phà- Trung Quốc, mục đích cầm túi quần áo của X nhập cảnh về Việt Nam qua cửa khẩu Ma Lù Thàng để giao túi quần áo cho X và trả công cho T. Sau khi vượt qua hàng rào từ Trung Quốc vào Việt Nam và vượt qua suối biên giới Trung Quốc- Việt Nam lên trên đường lại khu vực cột Mốc 63 cách khoảng 1.700m hướng về Mốc số 64 thuộc bản C, xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, X gặp T đang chờ đón, X lên xe. Hồi 12 giờ 20 phút cùng ngày, khi T điều khiển xe chở X đi được khoảng 20m về hướng cửa khẩu M thì bị Tổ công tác Đồn Biên phòng Huổi Luông phát hiện bắt quả tang.

Bản Cáo trạng số 34/CT-VKSLC-P1, ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S, Đèo Văn T về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu truy tố các bị cáo về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” là đúng với hành vi đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo về tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Đèo Văn T phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 15 đến 18 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đèo Văn T từ 12 đến 15 tháng tù;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách Nhà nước vật chứng là phương tiện phạm tội còn giá trị sử dụng gồm: một chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO và một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda của bị cáo T; Đối với căn cước công dân, sổ thông hành, điện thoại là giấy tờ nhân thân và tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và bà Lương Thị X cần trả lại cho các bị cáo và bà X; Án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn S, Đèo Văn T không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản tự khai, lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án về động cơ, mục đích, thời gian, địa điểm cũng như cách thức đưa người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 16/01/2024, Nguyễn Văn S và Đèo Văn T đã bàn bạc thống nhất đưa Lương Thị X nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào lãnh thổ Việt Nam qua đường tiểu ngạch nhằm hưởng lợi 200 nhân dân tệ. Sau khi được S hướng dẫn chui qua hàng rào biên giới, X được T đón tại khu vực Mốc 63+ khoảng 1.700m về hướng mốc 64 thuộc bản C, xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Hồi 12 giờ 20 phút cùng ngày, Đèo Văn T đang điều khiển xe mô tô BKS 25P-082.01 chở Lương Thị X đi được khoảng 20m (tính từ điểm đón X) thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi chuẩn bị phương tiện, lên kế hoạch đưa, đón người khác từ Trung Quốc vào lãnh thổ Việt Nam mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vì động cơ vụ lợi là hành vi tổ chức nhập cảnh trái phép. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự, cụ thể điều luật quy định: “*Người nào vì vụ lợi mà tổ chức.. cho người khác... nhập cảnh... trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*”. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng; các bị cáo là người địa phương thông thuộc đường biên giới. Việc tự ý tổ chức cho người khác qua biên giới không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng không nhưng trực tiếp gây khó khăn trong công tác quản lý, tuần tra, kiểm soát biên giới mà còn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp. Do vậy, việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn S hai lần bị Tòa án xét xử, mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, vì vụ lợi đã cố ý phạm tội điều đó chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật kém; bản thân các bị cáo đều được chính quyền địa phương xác định có nhiều mối quan hệ phức tạp nên cần xử lý nghiêm minh.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình thuộc điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn S ra đầu thú giúp Cơ quan điều tra sớm kết thúc vụ án; trong thời gian tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu Bị cáo S có công giúp quản giáo nắm bắt tình hình, diễn biến tư tưởng các đối tượng trong buồng giam được Trại giam có Công văn 280, ngày 12/6/2024, xin giảm nhẹ cho bị cáo; bố đẻ bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; mẹ kế của bị cáo được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến; anh trai của bị cáo là liệt sĩ là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo Đào Văn T thuộc thành phần dân tộc thiểu số sinh sống vùng biên giới khó khăn, nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về vai trò của các bị cáo: đây là vụ án đồng phạm, trong đó bị cáo Nguyễn Văn S lên kế hoạch, chủ động liên lạc thống nhất với bị cáo T cách thức đón người; bị cáo S cũng là người trực tiếp giao dịch và nhận tiền nên bị cáo Nguyễn Văn S có vai trò chính; bị cáo T là người thực hành, khi quyết định hình phạt cần phân hóa đảm bảo phù hợp với vai trò của từng bị cáo theo Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự và cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của nhân dân đối với công tác quản lý, kiểm soát biên giới trong tình hình hiện nay. Vì vậy, mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo có căn cứ chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Trong vụ án, bị cáo Nguyễn Văn S được hưởng lợi số tiền không lớn, bị cáo Đào Văn T chưa được hưởng lợi từ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép; các bị cáo làm ruộng, lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội còn giá trị sử dụng gồm 01 xe máy Honda và điện thoại của bị cáo Đào Văn T cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước theo quy định điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hai chiếc điện thoại di động của bị cáo Nguyễn Văn S và bà Lương Thị X, xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo S và bà X.

Các giấy tờ nhân thân gồm căn cước công dân, Giấy đăng ký mô tô, xe gắn máy, giấy thông hành trả lại cho các bị cáo

Số tiền 200NDT do bị cáo Nguyễn Văn S thu lợi được từ hành vi phạm tội nhưng đã chi tiêu cá nhân hết nên truy thu số tiền này (200 CNY Nhân dân tệ

tương đương khoảng 660.000 đồng tiền Việt Nam (Tỷ giá Nhân dân tệ ngày 16/01/2024: 01 CNY = 3.334VND).

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Quan điểm đề nghị về án phí, vật chứng của Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7]. Vấn đề khác:

Đối với hành vi nhập cảnh trái phép của Lương Thị X. Cơ quan điều tra đã xác minh X chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến hành vi xuất, nhập cảnh trái phép nên lần vi phạm này bị xử phạt hành chính là có căn cứ.

Quá trình điều tra, xác minh chủ thuê bao của 2 số điện thoại 0346.xxx.xxx, 0338.xxx.xxx là của bà Nguyễn Thị N, trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (là vợ của bị cáo Nguyễn Văn S). Qua điều tra, bà N không biết bị cáo S dùng 02 số điện thoại trên và việc phạm tội, do vậy xác định bà Nguyễn Thị N không liên quan trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Đèo Văn T phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

[2] Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 15 (Mười năm) tháng tù.

Thời hạn chấp hành án phạt tù của bị cáo Nguyễn Văn S tính từ ngày bị bắt, ngày 27/02/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đèo Văn T 12 (Mười hai) tháng tù.

Thời hạn chấp hành án phạt tù của bị cáo Đèo Văn T tính từ ngày bị bắt, ngày 16/01/2024.

[3] Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước:

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh dương, điện thoại cũ đã qua sử dụng (điện thoại thu giữ của Đèo Văn T).

+ Một xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX F1, số máy JA52E0527038, số khung RLLHJA3859PPY203354, màu sơn xanh đen, mang biển kiểm soát 25P1-082.01 (kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Đèo Văn T).

- Truy thu số tiền 200 CNY (hai trăm nhân dân tệ) tương đương 660.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) của bị cáo Nguyễn Văn S để nộp ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Đèo Văn T gồm: Một sổ thông hành mang tên Đèo Văn T, một thẻ căn cước công dân, một giấy phép lái xe mang tên Đèo Văn T.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S: Một điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6S, màu bạc, điện thoại cũ đã qua sử dụng và một căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn S.

- Trả lại cho bà Lương Thị X một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng được mô tả chi tiết như trong biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh với Cục THADS tỉnh lập ngày 10/5/2024).

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Văn S, Đèo Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9, Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:`

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lai Châu;
- CQTHAHS Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Trại tạm giam tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo (người bào chữa);
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà